

ĐẠO ĐỨC MÔI TRƯỜNG

Đạo đức môi trường là một nhánh của triết lý môi trường, nghiên cứu các mối quan hệ đạo đức giữa con người và môi trường. Những nghiên cứu về đạo đức môi trường tuy đã xuất hiện từ những năm 40 của thế kỷ XX, nhưng mãi đến những năm gần đây mới thực sự được chú ý. Ở Việt Nam, nếu không kể những công trình mang tính gián tiếp, thì đến những năm 90 của thế kỷ XX, mới có một số bài nghiên cứu trực tiếp về đạo đức môi trường. Với mục đích giúp cho các nghiên cứu sinh và học viên cao học có thể tiếp cận đầy đủ và chính xác với vấn đề này, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam đã xuất bản cuốn “*Đạo đức môi trường*” do PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc biên soạn. Cuốn sách gồm 3 chương.

Trong phần đầu chương 1 *Một số khái niệm về đạo đức môi trường*, tác giả trình bày về các thuật ngữ “*đạo đức học môi trường*” và “*đạo đức môi trường*”. Theo tác giả, cho đến nay những nội dung hàm chứa trong các thuật ngữ này vẫn chưa có một quan niệm thống nhất. Mỗi khuynh hướng cụ thể có một cách lý giải và những đề xuất cụ thể cho việc xây dựng đạo đức môi trường. Sự thống nhất mới chỉ dừng lại ở chỗ: đạo đức môi trường là một phương diện của phát triển. Nó thật sự có vai trò và ý nghĩa không thể thay thế trong việc bảo vệ môi trường, trái đất – ngôi nhà chung của nhân loại.

Phần tiếp theo, tác giả trình bày các quan niệm phương Đông và phương Tây về đạo đức môi trường. Dù là quan niệm của Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo hay Công giáo đều nhấn mạnh đến việc bảo vệ môi trường.

Những nhà Phật học cho rằng, thuyết Duyên khởi và những tư tưởng rút ra từ Duyên khởi về bình đẳng Phật tính, bình đẳng sinh mệnh, giới sát... có ý nghĩa tích cực đối với việc bảo vệ môi trường, đặc biệt là bảo vệ sự đa dạng sinh học trong điều kiện hiện nay.

Nho giáo có những tư tưởng, những giá trị có tính phổ quát và vĩnh hằng. Những tư tưởng đó có thể coi như cơ sở, như định hướng cho việc thiết lập một xã hội không chỉ bao gồm sự hài hoà giữa con người với con người mà còn gồm cả sự hài hoà giữa con người với tự nhiên, trời đất. Trong bối cảnh phát triển không bền vững của những thập niên gần đây, đặc biệt là với sự khủng hoảng trong quan hệ giữa con người và môi trường, Nho giáo càng có thêm vai trò mở rộng quan hệ đạo đức từ chủ thể, xã hội đến giới tự nhiên.

Đối với Lão giáo, vô vi không chỉ là một yêu cầu của cai trị, của quản lý xã hội mà còn là một yêu cầu của lối sống, một phương thức ứng xử về mặt lối sống của con người. Về mặt lối sống, *quả dục* và *tri túc* là những yêu cầu của một lối sống thuần phác, một lối sống phù hợp với đạo. Lối sống này không chỉ góp phần giảm thiểu nhu cầu khai thác, bóc lột tự nhiên, môi trường mà còn tạo nên một thế giới thống nhất giữa con người với trời đất, vạn vật.

Công giáo nhấn mạnh trách nhiệm bảo vệ môi trường trong việc kết hợp khả năng của khoa học công nghệ với lối sống đạo đức lành mạnh, lối sống tôn trọng sự sống và phẩm giá con người, tôn trọng quyền lợi của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Cụ thể hơn, bảo vệ môi trường cần phải

được nhìn nhận và thực hiện như một trách nhiệm chung của loài người.

Trong chương này, tác giả cũng trình bày một số khuynh hướng đạo đức học môi trường phương Tây hiện nay.

Đạo đức học duy sinh vật (Biocentric Ethics), do P.Taylor sáng lập. Taylor chủ trương xây dựng một nền đạo đức mới, nền đạo đức này coi *sự sống là trung tâm* nhằm vượt qua nền đạo đức truyền thống coi *con người là trung tâm*. Ông khẳng định: không có lý do gì để nói rằng, các loài động thực vật không có *quyền đạo đức*. Nói cách khác, các loài động vật có quyền được tôn trọng, được bảo vệ như quyền được tôn trọng, được bảo vệ đối với con người.

Đạo đức học duy sinh thái (Ecocentric Ethics) do Leopold khởi xướng. Nếu khuynh hướng duy sinh vật chỉ nhìn nhận quan hệ đạo đức giữa con người và môi trường trong khuôn khổ quan hệ với động, thực vật, nghĩa là với thế giới hữu sinh thì khuynh hướng duy sinh thái mở rộng phạm vi của quan hệ này tới cả thế giới vô sinh. Đạo đức duy sinh thái đòi hỏi con người phải tôn trọng sự toàn vẹn của hệ sinh thái (cộng đồng sinh vật và đất đai) thay vì chỉ tôn trọng sinh vật.

Tuy nhiên, nếu chỉ xem loài, cộng đồng là cứu cánh cần được bảo vệ thì đó là một quan niệm khó được chấp nhận, vì người ta có thể nhân danh lợi ích loài, cộng đồng để hy sinh cá thể. Chính vì vậy, nhiều học giả đã phê phán quan điểm của Leopold và cho rằng nó có thể dẫn tới “*chủ nghĩa phát xít môi trường*”.

Đạo đức học sinh thái học bề sâu (Deep Ecology) cũng nhìn nhận cộng đồng đạo đức bao hàm cả con người, động thực vật và đất đai nhưng Anne Naess và một số học giả khác có cách lý giải riêng, xuất phát từ một trực giác, một biểu tượng về thực tại, theo đó, bản chất của mỗi vật thể

kể cả con người được xác định bởi bản chất của các quan hệ giữa nó với các vật thể khác của thực tại. Khi bản chất của các quan hệ này thay đổi thì bản chất của các vật thể cũng thay đổi theo

Cho dù khẳng định rằng, sự tự thực hiện bản ngã không phải là một trạng thái thần bí hay trầm tư, nhưng như sự trình bày của Naess và những nhà sinh thái học bề sâu thì phương thức tạo dựng ý thức môi trường cho con người là thần bí và không khả thi. Đây có thể là hạn chế hoặc điểm yếu nhất của sinh thái học bề sâu.

Chương 2: *Thực chất và những chuẩn mực cơ bản của đạo đức môi trường*. Tác giả dành phần đầu để nói về các khái niệm “*giá trị nội tại*” và “*quyền động vật*” trong đạo đức học môi trường. Những nhà đạo đức học môi trường phương Tây hiện đại cho rằng, việc nhận thức được giá trị nội tại cũng như quyền của động vật, vạn vật không chỉ giúp loài người biết tôn trọng loài vật, tôn trọng tự nhiên, tự nhận thấy trách nhiệm bảo vệ môi trường mà cũng với điều đó, nhân loại sẽ tạo ra cho mình một đời sống có ý nghĩa hơn. Song theo tác giả, “*giá trị nội tại*” và “*quyền động vật*” là hai khái niệm mơ hồ, không có căn cứ xác đáng. Động - thực vật không thể là thành viên trong cộng đồng đạo đức. Cũng như những vấn đề đạo đức khác, đạo đức môi trường là vấn đề của con người, loài người.

Tác giả cho rằng, để bảo vệ môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững con người phải có những điều chỉnh nhất định trong phát triển nói chung và trong quản lý, khai thác tự nhiên nói riêng. *Thực chất của những sự điều chỉnh ấy chính là điều chỉnh lợi ích: giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, giữa lợi ích quốc gia này với lợi ích quốc gia kia, giữa lợi ích thế hệ hiện tại với lợi ích thế hệ tương lai*. Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong khai thác

và bảo vệ môi trường chính là cơ sở và thực chất của đạo đức môi trường.

Những trách nhiệm bảo vệ môi trường khi được phản ánh vào ý thức đạo đức, con người thì trở thành trách nhiệm đạo đức. Trách nhiệm đạo đức là sự nhận thức và thực hiện một cách tự giác, tự nguyện những yêu cầu của xã hội, của cộng đồng. Tương tự như vậy, những yêu cầu của phát triển bền vững, của việc bảo vệ môi trường được phản ánh vào ý thức đạo đức con người, loài người; đồng thời sự thể hiện ý thức đó trong thực tiễn phát triển phát triển xã hội và bảo vệ môi trường chính là ý thức và thực tiễn đạo đức môi trường. *Đạo đức môi trường, do vậy, là một phương diện của đạo đức nói chung, là một hệ thống các chuẩn mực đạo đức điều chỉnh quan hệ giữa con người (xã hội) và tự nhiên vì sự phát triển bền vững.*

Những chuẩn mực cơ bản của đạo đức môi trường bao gồm: Tôn trọng và bảo vệ sự hài hoà của hệ thống con người - xã hội - tự nhiên; Sử dụng tài nguyên tiết kiệm và có hiệu quả; Tự giác và tự nguyện nâng các yêu cầu pháp lý về bảo vệ môi trường thành các yêu cầu đạo đức; Công bằng trong khai thác và bảo vệ môi trường; Nâng cao tinh thần tương trợ và phối hợp hành động giải quyết các sự cố môi trường; Giữ gìn môi trường sống xanh, sạch, đẹp trong đời sống thường nhật; Thực hành lối sống văn hoá, thể hiện quan hệ hài hoà giữa mức sống và ý nghĩa cuộc sống.

Trong chương 3 - *Vấn đề xây dựng đạo đức môi trường ở Việt Nam hiện nay*, tác giả cho rằng, quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và thiên tai đã và đang tạo ra nhiều áp lực đối với môi trường. Tình trạng đó được biểu hiện cụ thể trên các phương diện: Biến đổi khí hậu ngày càng tăng, môi

trường đất bị suy thoái nghiêm trọng, môi trường nước mặt phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm chất hữu cơ và suy thoái, môi trường không khí ô nhiễm nặng nề, sự suy giảm đa dạng sinh học, an ninh môi trường bị đe dọa, quản lý môi trường còn nhiều bất cập, vai trò của cộng đồng chưa được phát huy đúng mức...

Trước khi đưa ra một số giải pháp xây dựng đạo đức môi trường ở Việt Nam hiện nay, tác giả trình bày những quan điểm chỉ đạo, những chính sách của Đảng, Nhà nước về môi trường và một số kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ môi trường, xây dựng đạo đức môi trường. Vì những thành tựu và hạn chế trong bảo vệ môi trường và xây dựng đạo đức môi trường ở các quốc gia khác sẽ giúp Việt Nam có thể đưa ra được những giải pháp tối ưu nhất, đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác này.

Theo tác giả, một số giải pháp có tính định hướng đối với công tác xây dựng đạo đức môi trường ở Việt Nam là: Đẩy mạnh hơn nữa và nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức môi trường; Tăng cường vai trò của pháp luật trong xây dựng đạo đức môi trường; Kết hợp hài hoà các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường trong phát triển.

Với kết cấu ba chương, *Đạo đức môi trường* đã trình bày những khái niệm, thuật ngữ liên quan đến đạo đức môi trường; làm rõ thực chất và những chuẩn mực cơ bản của đạo đức môi trường, đồng thời đưa ra được những giải pháp cơ bản xây dựng đạo đức môi trường ở Việt Nam. Mỗi phần đều có thêm những câu hỏi hướng dẫn nghiên cứu nên rất hữu dụng cho các học viên và nghiên cứu sinh. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho những ai quan tâm đến vấn đề này./.

TS. NGUYỄN THU NGHĨA
Viện Triết học